

Bản án số: **29/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 14/01/2022
V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN P – THÀNH PHỐ M

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Nhung
2. Ông Nguyễn Anh Ngọc

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Đào - Thư ký Tòa án nhân dân quận P, Thành phố M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, Tòa án nhân dân quận P, Thành phố M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân sơ thẩm thụ lý số 166/2021/HNST ngày 11 tháng 3 năm 2021 về “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 418/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 464/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Kiều Thanh H, sinh năm 1977;
Địa chỉ: Số 200A đường A, phường H, quận P, Thành phố M.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975;
Địa chỉ: Số 200A đường A, phường H, quận P, Thành phố M.

(Ông H, bà L có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2021, trong bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Kiều Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999, có tổ chức lễ cưới và đến năm 2002 đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 260, quyền số 02/2002 ngày 08/12/2002 do UBND xã Đ, huyện S, tỉnh G cấp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, cuộc sống chung không hạnh phúc,

không có sự cảm thông chia sẻ trong cuộc sống. Hai bên thường xuyên gây gổ, cãi vã với nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nay xác định mâu thuẫn giữa ông và bà L đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông H xác nhận có 01 con chung là Kiều Nguyễn Tường V, sinh ngày 12/02/2000. Do con chung đã trưởng thành nên không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Ông H xác nhận không có.

Về nợ chung: Ông H xác nhận không có.

Tại bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về quá trình chung sống, kết hôn đúng như lời ông H trình bày. Tuy nhiên, về mâu thuẫn vợ chồng do ông H có tính lẳng nhăng, trai gái nên hai bên thường xuyên xảy ra xung đột. Bà nhiều lần phát hiện và bỏ qua nhưng ông H vẫn không thay đổi tính tình. Thậm chí không biết lỗi còn cự cãi lớn tiếng, thách thức và đập đồ đạc. Có vài lần ông H còn đánh bà đến nỗi bà phải mời Công an phường và dân phòng đến giải quyết. Sau đó ông H tìm có ngủ riêng, mỗi người 1 phòng. Khi hết giận thì vẫn ngủ chung. Nhiều lần như thế bà cũng quá mệt mỏi, bà đã rất vất vả lo nuôi con ăn học, nay cháu đang học Đại học năm thứ 3. Khi vô tình cháu biết việc bà và ông H ly hôn cháu rất buồn, bà sợ việc vợ chồng bà ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tâm lý con chung nên bà không đồng ý ly hôn. Sau khi con tốt nghiệp Đại học bà sẽ đồng ý với yêu cầu của ông H nếu lúc đó ông H vẫn muốn ly hôn.

Về con chung: Bà L xác nhận có 01 con chung là Kiều Nguyễn Tường V, sinh ngày 12/02/2000. Do con chung đã trưởng thành nên không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Bà L xác nhận không có.

Về nợ chung: Bà L xác nhận không có.

Tòa án nhân dân quận P đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án tiến hành lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Kiều Thanh H vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với bà L. Do con chung đã trưởng thành nên ông H không có yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung ông H xác nhận không có.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị L không đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông H vì cho rằng mình không có lỗi, nếu ly hôn bà phải là người đứng đơn xin ly hôn. Tuy nhiên,

nay bà thừa nhận mình không thể thuyết phục ông H rút yêu cầu ly hôn nên bà cũng đồng ý ly hôn. Về tài sản chung và nợ chung bà L xác nhận không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân của ông Kiều Thanh H và bà Nguyễn Thị L là hôn nhân hợp pháp. Ông H yêu cầu xin ly hôn, bà L xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đồng ý ly hôn. Hai bên có 01 con chung đã trưởng thành là Kiều Nguyễn Tường V, sinh ngày 12/02/2000. Về tài sản chung và nợ chung hai bên xác nhận không có. Tại phiên tòa ông H vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, bà L đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của ông H là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ Đơn khởi kiện của ông Kiều Thanh H, Hội đồng xét xử xác định vụ án trên là tranh chấp về ly hôn. Do bị đơn bà Nguyễn Thị L hiện đang cư trú tại quận P nên Tòa án nhân dân quận P thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại các khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Kiều Thanh H và bà Nguyễn Thị L chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên quan hệ giữa ông H và bà L là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa ông H và bà L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn.

Ông H xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, ông không nhận được sự cảm thông từ vợ nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất hòa, tranh cãi khiến đời sống hôn nhân căng thẳng, mệt mỏi, mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn được nên ông xin ly hôn.

Bà L xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân chính do ông H có tính lẳng nhăng, bỏ bê gia đình, vợ con, bà khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông H không thay đổi. Trước đây, bà không đồng ý ly hôn vì bà thương con còn đi học, sợ làm ảnh hưởng đến tâm lý con, sợ con vì buồn chuyện gia đình mà bỏ học và cũng còn hy vọng ông H sẽ thay đổi tính tình. Tuy nhiên, nay bà nhận thấy mình không có biện

pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, xóa bỏ khoảng cách và thuyết phục ông H từ bỏ ý định ly hôn để quay về tiếp tục chung sống xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó, bà đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên. Bản thân ông H và bà L không còn muốn duy trì, vun đắp cho hạnh phúc gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra giữa ông H và bà L là có thật, không đảm bảo tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H với bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình là có cơ sở.

- Về quan hệ con chung: Ông H và bà L xác nhận có 01 con chung là Kiều Nguyễn Tường V, sinh ngày 12/02/2000. Do con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ông Kiều Thanh H phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 220, Điều 273 và Điều 275 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ: khoản 2 Điều 19, Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí năm 2015; Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Kiều Thanh H.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Kiều Thanh H được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Quan hệ hôn nhân của ông Kiều Thanh H và bà Nguyễn Thị L chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 260, quyền số 02/2002 ngày 08/12/2002 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh G cấp cho ông H và bà L không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Hai bên xác nhận có 01 con chung là Kiều Nguyễn Tường V, sinh ngày 12/02/2000. Do con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập.

- Về tài sản chung: Ông H và bà L xác nhận không có.

- Về nợ chung: Ông H và bà L xác nhận không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Kiều Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng ông H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0071791 ngày 11/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P. Ông H đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Ông Kiều Thanh H, bà Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố M;
- VKSND quận P;
- Chi cục THADS quận P;
- UBND xã Đ, huyện S, tỉnh G.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Thùy Trang